

Hồi Ký:

Một Thoáng Hương Xưa

Hay là đất nước tôi bốn tháng trước ngày ngã gục trong bóng đêm (12/12/1974 - 07/01/1975)

Lê Mộng Nguyên

I. Tôi lên máy bay DC 10 của hãng UTA đi từ Paris-Charles de Gaulle, ngày thứ năm 12 tháng 12 năm 1974, lúc 16 giờ 11 đến Karachi dừng lại khoảng 24 giờ (4 giờ sáng, giờ địa phương) trước khi lên đường lúc 1 g15 (5 g 15 giờ Karachi) ngày thứ sáu 12-12-1974 thẳng hướng Sài Gòn.

Phi cơ hạ xuống phi trường Tân Sơn Nhất vào khoảng 13 g 50 (giờ Sài Gòn) nghĩa là 6 h 50 ở Paris. Trong lúc mọi người sắp sửa đứng dậy để đi xuống, giọng của tàu trưởng (commandant de bord) nói rõ ràng qua micro : Xin ở lại chỗ ngồi ! *Sẽ có cảnh sát lên kiểm tra căn cước.* Nhưng vài giây sau, tiếng nói lại cho phép : Hành khách Việt Nam, có thể xuống máy bay. Trời nóng tới 27 độ lúc tôi đặt chân trên đất phi trường TSN chiều hôm ấy, mọi người ai cũng thấy trong mình khó chịu, ngột thở. Loại trừ một bà người VN vào khoảng 50, vẫn tiếp tục giữ cái áo lông trên mình, đem từ Pháp quốc : ngạo mạn hay vô ý thức ? Riêng tôi bắt đầu chảy mồ hôi, nhất là vì phải mang hành lý nặng trên vai, hơn nữa phải cầm tay, nào là máy ảnh, nào là máy quay phim ... Tôi ước mong khí hậu 8 độ như lúc khởi hành từ Paris-Charles de Gaulle ! Sau 15 phút đợi, một xe car Air-Vietnam đưa hành khách đến các văn phòng kiểm tra giấy thông hành và nha quan thuế, trước khi khách bộ hành được ra khỏi phi trường : Sài Gòn ơi, ta bỏ mi cách đây 24 năm trời, nay trở lại thật có nhiều thay đổi ! Tôi lấy taxi chạy từ TSN đến khách sạn đã giữ chỗ trước (đường Trần Hưng Đạo), vừa nói chuyện với người lái xe, vừa quan sát quang cảnh đô thành với quần chúng đông đảo khắp mọi ngõ, người thì đi bộ trên vệ đường, kẻ thì đi xe hai bánh, bốn bánh, xích lô, tất cả đều chạy tứ tung, chiều ngang chiều dọc tự do, không theo luật lệ nào cả. Sự ồn ào của thành thị, sự vô ý thức của dân chúng làm tôi có cảm tưởng đang du lịch trong một nước thanh bình không chiến tranh ! Lâu lâu, một trại lính hay một khu nhà hành chánh mà xung quanh bao đầy dây thép có gai, nhắc nhở cho tôi biết là ở miền Nam tự do, chiến tranh vẫn tiếp tục đâu đây. Xe Cảnh sát Lưu thông cùng những lính cảnh sát có mặt ở các ngã ba, ngã tư đô thành, rất ít và kín đáo. Tôi nhớ lại những ngày ở Quartier Latin đã qua tại trung tâm Paris dưới thời Tổng Thống Pompidou, hiện diện của cảnh sát rất đông đảo, rất oai phong lẫm liệt.

Vào khoảng 6 giờ chiều, thành phố Sài Gòn đột nhiên nổ bùng trong tình trạng kích biến. Đó là giờ các học sinh ra trường, những người đi làm thuê, những thợ thuyền xong việc mỗi ngày, cho nên du khách được dự kiến một quang cảnh vũ trường mà vai trò chính được giữ là các xe hai bánh đủ hiệu, mô tô, xích lô, xe đạp... chạy lung tung, đụng chạm nhau, chèn lọt giữa xe taxi, xe hơi, xe buýt, và cả khách bộ hành một cách dễ dàng, bất kể qui tắc qui phạm... Thật ra, không ai muốn áp dụng bộ luật lưu thông, luật lệ ở đây là mạnh ai nấy chạy, hơn nữa, xe hai bánh được cảnh sát cho ưu tiên : khi nào có xe đụng nhau, lỗi đều do các xe 4 bánh, cảnh sát bao giờ cũng che chở các thanh thiếu niên đi xe đạp, xe mô tô, và rất nghiêm ngặt với xe hơi. Thật ra xe hơi gia tư rất hiếm lúc bấy giờ ở Saigon. Loại trừ mấy xe của nhân viên ngoại giao, của Quân Lực Cộng Hòa hoặc xe của mấy gia đình đại trưởng giả Sài Gòn, xe hơi chạy ở đây toàn rất cũ như Traction Avant Citroen, 4 CV Renault... Từ dạo khủng hoảng thế lực, Chính phủ cấm tất cả nhập cảng xe hơi mới. Cho nên ai cũng bắt tay làm sửa sang lại những xe rất cũ để được chạy không ít thì nhiều.

Tôi rất ngạc nhiên (trong những ngày có mặt tại miền Nam Việt Nam từ 13-12-1974 đến 07-01-1975) nhận thấy trong dân chúng đa số toàn thanh thiếu niên. Trên các đường Sài Gòn, đi đâu cũng thấy trai gái từ 5 đến 20 tuổi thanh thoi bộ hành, hoặc đi xe đạp, hoặc từng đôi lứa dừng trước những nhà hàng bán áo quần kiểu mới, hoặc các tiệm ăn lừng danh. Quảng cáo theo kiểu Âu Tây được trọng dụng khắp mọi nơi, như thuốc lá Bastos hoặc Crème Perlon, nhất là ở trên tường mấy nhà hàng chung quanh chợ Bến Thành

lúc nào cũng đông đúc, ồn ào, náo nhiệt từ sáng đến chiều tối (đến 23 g 30 nghĩa là nửa giờ trước hiệu giờ nghiêm). Sinh hoạt, mặc dầu một suất lạm phát khá cao, vẫn còn 5 lần rẻ hơn đời sống ở Pháp. Ta thử lấy giá tiền một tô phở Bắc kỳ ở Sài Gòn là 200 đồng (hồi ấy) so sánh với giá một tô phở đồng thời ở Paris trong các tiệm Tàu và Việt Nam là 6 FF, nghĩa là 870 đồng, hoặc giá 1 vé chớp bóng tại Rex và Mini-Rex Saigon (từ 250 đến 500 đồng) trong lúc ở Paris, giá một vé xi nê từ 13 FF đến 15 FF. Đời sống ở Nam Việt (trong thời khói lửa) dầu sao cũng tăng lên mau chóng và quá độ, trong lúc lương bổng công chức không thay đổi (theo thời giá): 200 FF lương bổng trung bình, 500 FF của một giáo sư đại học, 1 000 FF của một đại biểu Quốc hội. Những sĩ quan hạng chót và lính không trật có một lương tiền khốn cùng. Trong tình trạng ấy, làm thế nào mà chống lại được sự tham nhũng lan tràn khắp nơi, trong bộ máy hành chính? Người Việt Nam tự do, nếu muốn giữ trong sạch và tư cách thanh liêm, phải chịu khó kiếm làm thêm một nghề thứ hai, bởi vì lương bổng công chức chỉ đủ cho tự mình và gia đình sinh sống 10 ngày trên 30. Tôi đã từng gặp những đại úy hoặc trung úy quân đội làm nghề lái taxi ban đêm, lấy xe jeep hay Honda của sở để làm xe thuê ngoài giờ làm việc (200 đồng một chuyến). Chỉ có cách làm ăn như thế này mới có thể bù cho sinh sống gia đình của một viên chức Quân Lực VNCH.

Tôi cũng đã gặp nhiều sinh viên trai trẻ làm nghề bán kẹo giữa đường để giúp đỡ gia đình cha mẹ bị thất nghiệp, những người chỉ sống với nợ nần lên tới cổ. Trong thành phố, người ta thấy nhiều trẻ em ăn mày nhưng vẫn giữ tư cách xứng đáng, đường hoàng bằng cách cúi chào kính cẩn sau khi thu được 10 hay 20 đồng người ta cho làm phúc. Tôi đã gặp những cựu chiến binh (ăn mặc với áo hình cạp gắm rã rách), những kẻ hy sinh cho dân chủ tự do, đã mất một chân hay tay, đương ăn xin giữa đường. Trong xe buýt đưa tôi từ chợ Bến Thành đến Vườn Bách Thú, tôi thấy một cựu chiến binh mù, được một bé nhỏ (khoảng 7 tuổi) dắt dẫn, có lẽ là con trai của ông. Người mù bắt đầu hát với một giọng buồn thê thảm làm cho tôi nghe nước mắt rung rung. Người mù kể lại cuộc đời của mình, bị kịch mà người đã sống trong nước Việt Nam đắm chìm trong loạn lạc. Tôi cũng đã thấy, trong lúc đương dùng cơm tiệm ngoài trời với bạn bè, hai cựu chiến binh, tàn tật, đang ăn xin. Đột nhiên, một xe jeep của MP dừng lại: một cảnh sát quân đội nói với hai người này rằng lẽ dĩ nhiên là không cấm ăn mày, nhưng không lịch sự đối với khách hàng khi hai cựu chiến binh ăn xin đúng vào lúc đồng bào ăn tối.

II. Trước khi tôi trở về thăm miền Nam VN, tôi đã từng nghe Đài Phát Thanh Pháp cho biết rằng rất nhiều trẻ con VN (phần đông bỏ mồ cha) sinh sống ở ngoài đường thành đô Sài Gòn. Sau một thời gian thăm viếng xứ sở, tôi có thể nói lên sự phản đối mạnh mẽ của tôi về chuyện không có thật này. Vì không ai có thể tưởng tượng một người mẹ Việt Nam (với tình yêu mẹ con vĩ đại, ngay trong sự nghèo nàn, khốn cùng), lại nỡ bỏ rơi con cái ngoài đường như thế! Những trẻ em (trai gái) đi dạo chơi chỗ này qua chỗ khác thay vì đương học tập tại trường, chuyện ấy có thật. Các em chạy nhảy đùa giỡn, nhiều khi đưa tay xin tiền, nhưng khi nào cũng có một nụ cười rạng rỡ ngay trong những trường hợp không ai cho một đồng xu nào...

Người ta thường nói rằng ở miền Nam tự do, nạn cướp bóc lan tràn, nảy nở, trong các thị thành lớn và nhất là ở kinh đô của VNCH. Bạn bè thân thuộc khuyên nhủ tôi trước chuyến đi VN, phải coi chừng ngay từ lúc đặt chân trên đất Sài Gòn, nếu có đồ vật quý báu trong mình. Báo chí Pháp tường thuật rằng những kẻ gian cấp đi xe Honda dật lấy bất cứ thứ gì bám tay của đàn bà đi một mình và rất mau lẹ. Đàn ông nếu lái xe với tay trái để ra ngoài, có thể bị chặt tay bởi những kẻ bất lương muốn chiếm đoạt cái đồng hồ tay. Những cảnh tượng hành hung, tàn bạo như thế, xảy ra hàng ngày và nạn nhân là những công dân ôn hòa, không có đủ phương cách tự vệ. Nhiều khi ngay trước hiện diện của cảnh sát, nhưng cảnh sát chỉ phản kháng một cách yếu đuối, đôi lúc nhắm mắt trước những bất công của cuộc đời. Có lẽ vì sợ báo thù?

III. Quân đội Cộng hòa cần chiêu mộ tân binh, còn tươi trẻ. Kể từ 18 và cho đến 48 tuổi, đàn ông có thể bị động viên, trừ phi được phép nhập ngũ hoãn kỳ. Như vậy, một công dân trẻ có thể đình lại cuộc ứng dịch trong 4 năm để theo học cử nhân tại Đại học, với điều kiện phải thi đậu lên lớp mỗi năm, nếu không, sẽ bị nhập ngũ và ra tiền tuyến ngay. Sau 4 năm học lấy bằng cử nhân, người sinh viên có thể xin kéo dài (một

lần nữa) sự hoãn kỳ (thêm 2 năm) để sửa soạn một bằng Cao học. Trong phòng đợi lớn của Đại học Luật khoa Saigon, đường Duy Tân, và trong lúc chờ gặp ông Khoa trưởng ngày 27/12/1974, tôi được đọc những danh sách (dán trên tường) rất dài của những sinh viên được hoãn nhập ngũ ...

Khoa trưởng Vũ Quốc Thông nồng hậu tiếp đón tôi . Ông rất tiếc không được sự có mặt của một giáo sư từ Paris đến Sài Gòn để dự lễ kỷ niệm 20 năm thành lập Đại học Luật khoa (di chuyển từ Hà Nội xuống Sài Gòn sau Thỏa Hiệp Genève năm 1954). Trong dịp ấy có lẽ tôi đã được mời làm thuyết trình cho sinh viên miền Nam về những hệ thống luật pháp và chính trị cùng những chính thể dân chủ hiện đại. Về mặt tổ chức Đại học VNCH, ông Khoa trưởng cho tôi biết là tương tự hệ thống Pháp quốc, không có sự chọn lọc vào Đại học về phân khoa luật, kinh tế, khoa học hay y học. Nhưng tính suất bách phần của những sinh viên thi đậu lên lớp năm 1973-1974 rất nhỏ yếu, nếu ta nhìn bản liệt kê sinh viên luật khoa và kinh tế học (có một chương trình chung cho cả 2 năm đầu). Trên mặt thống kê và thuộc kỳ thi 1 : chỉ có 3 000 thí sinh trúng tuyển trên 13 000. Kỳ thi thứ 2 : thêm 2 000 thi đậu. Như thế là tổng cộng cả suốt niên khóa chỉ có 5 000 được lên lớp năm thứ hai (trên 27 000 ghi tên học cử nhân).

Sự hoãn kỳ có thể bị bãi bỏ đối với các sinh viên thi hỏng. Nhưng hồi ấy, ở VNCH có nhiều Đại học tư được Nhà nước cho nhiều tự trị hành chánh và giáo dục pháp. Chỉ chương trình giảng dạy phải được sự thừa nhận của bộ Quốc gia Giáo dục. Đại học tư vì thế có thể giúp đỡ nhiều sinh viên trong việc nộp đơn xin hoãn kỳ nhập ngũ. Lúc bấy giờ có 10 Đại học tư (khoa học và văn hóa) có năng lực thu nhận 20 000 trai trẻ. Nhà nước đang làm thủ tục để cho mở thêm 10 ĐHTT với mục đích làm nhẹ bớt một phần nào tổng số sinh viên ghi danh tại ĐHTT Quốc gia. Trong năm qua (1973) chẳng hạn, số sinh viên VNCH lên tới 1 100 000; ai cũng phải công nhận là số này quá lớn đối với tổng số nhân dân là 18 triệu (VNCH). Theo ông Khoa trưởng, hệ thống giáo dục Việt Nam Tự Do lấy nguồn gốc và hứng cảm tại khuôn mẫu giáo dục Pháp. Vì vậy, không còn Tú tài Phần thứ nhất như xưa và Tú tài Phần 2 đã trở thành Tú tài độc nhất (như ở Pháp) và đã đào tạo (trong niên học 1973-1974) 60 000 học sinh trúng tuyển trên 140 000 thí sinh. Về phần giáo giới, nước VNCH rất còn nhiều thiếu sót. Năm 1973 : chỉ có 118 giáo sư Tiến sĩ cho 63 000 sinh viên tại Sài Gòn, và 10 GSTS cho 5 000 sv ở Cần Thơ. Tổng số chung là : 1 GSTS cho trung bình 496 sv. Ông Vũ Quốc Thông, được trúng cách Thạc sĩ Luật khoa Paris, trình bày luận án Tiến sĩ Quốc gia năm 1952 trước Đại học Pháp về : La décentralisation administrative au Vietnam (Địa phương phân quyền hành chánh tại Việt Nam), đã nhiều lần giữ chức Tổng trưởng trong những Chính phủ của VNCH. Trước khi từ giã, Giáo sư Vũ Quốc Thông có hỏi tôi về sức khỏe của những bậc thầy trong ngành Công luật như Marcel Waline, Georges Vedel hoặc Maurice Duverger...

IV. Linh mục Cao Văn Luận tiếp đón tôi trong căn nhà mát mẻ của Cha ngụ tại đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, chiều ngày 31 tháng 12-1974 vào lúc Sài Gòn nóng tới 30 độ. Cha Luận là thầy Triết lý của tôi ở trường Trung học Khải Định (Huế, niên học 1949-1950) và cũng là người làm Chánh chủ khảo Tú tài Triết lý & Sinh ngữ mà tôi được khoa cử xuất thân trước khi lên đường du học nước ngoài. Được Tổng thống Ngô Đình Diệm bổ nhiệm làm Viện trưởng Đại học Huế, LM Cao Văn Luận lựa chọn các vị giáo sư Đại học phần đông trong nhóm học sinh cũ giỏi nhất của Cha. Cha mời tôi về VN giữ chức Khoa trưởng Phân khoa Luật tại Đại học Huế sau khi tôi trình luận án Tiến sĩ Quốc gia Khoa học Chính trị (được Giải thưởng) tại Đại học Luật khoa Paris ngày 08-02-1962, nhưng rất tiếc tôi phải từ chối vì đã nhận lời giữ chức giáo sư phụ tá Công luật tại Đại học này kể từ niên học 1962-1963. Mặc dầu theo chủ nghĩa nhân vị của Ngô Đình Diệm, Cha Luận đã không do dự từ chức Viện trưởng Đại học để kháng nghị việc Chính phủ Diệm đàn áp các hòa thượng Phật giáo trong năm 1962-1963, và kể đó Cha thuộc nhóm những tán thành cách mạng tháng 11-1963. Lúc tiếp đón tôi ngày hôm ấy, LM Cao Văn Luận giữ chức giáo sư tại trường Cao đẳng Sư phạm (trở thành Đại học)... Tôi đưa ra câu hỏi : Theo Cha, diễn tiến của tình hình quân sự và chính trị miền Nam VN như thế nào ? Không giấu giếm nỗi lo âu, Cha trả lời : Quá trầm trọng ! *Hiện giờ đang đánh nhau mạnh ở Phước Long...* Tôi ngạc nhiên : Phước Long ở đâu, trên mặt địa dư ? Cha nói : Lẽ dĩ nhiên là anh không biết được, vì ngày anh đi Pháp, tỉnh Phước Long chưa có. *Chính ông Diệm đã sáng tạo sau này và hiện giờ tỉnh này có đến 40 000 dân ...*

Trước khi cáo từ, tôi thăm dò tin tức của các bạn cũ : Xin Cha cho biết những bạn đồng khoa của tôi ở trường Khải Định (Huế) hiện giờ làm gì ? Nghe câu hỏi này, LM Cao Văn Luận trả lời, đôi mắt sáng ra, hãnh diện : Phần đông đã hoặc giữ hiện giờ những chức vụ rất quan trọng trong Chính phủ VNCH. *Áu Ngọc Hồ chẳng hạn đã nhiều lần làm Tổng trưởng. Lê Văn hiện giữ chức Đại học Phó trưởng (Vice-Recteur) tại Đại học Mô Phạm Sài Gòn, còn mấy bạn khác của anh thì làm giáo sư Đại học Luật khoa. Lê Tuyên (bạn văn rất gần của anh) bị cấm giảng dạy vì lý do chống đối Chính phủ, hiện làm Chủ bút báo Công Luận. Một số rất ít đã thành công mỹ mãn trong kinh doanh và thương vụ; anh còn nhớ PHIÊN không ? Anh ta hiện làm chủ một Nhà Hàng rất lớn, có lẽ giàu đến bạc tỉ...*

V. Tôi gặp lại Tướng Tôn Thất Đính (quen lúc thời còn nhỏ ở Huế) đương chức Nghị sĩ Thượng Nghị Viện VNCH (theo Điều 33 của Hiến Pháp được Quốc hội thông qua ngày 18-03-1967 : Thượng Nghị Viện gồm từ 30 đến 60 Nghị sĩ được cử tri toàn quốc bầu lên trong một cuộc phổ thông đầu phiếu trực tiếp và kín theo thể thức liên danh đa số. Mỗi liên danh gồm từ 1/6 đến 1/3 tổng số NS... Nhiệm kỳ Nghị sĩ là 6 năm, mỗi 3 năm bầu lại một phần nửa...), tại nhà anh đường Nguyễn Đình Chiểu, sáng ngày 25 th.12-1974 (lễ Giáng Sinh), để dùng điểm tâm và sau đó đi thăm Sài Gòn trước khi ăn trưa (do anh mời) tại một nhà hàng nấu bếp theo kiểu Pháp. Tướng Đính là một trong những người phát khởi cách mạng tháng 11-1963 lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm, cùng với các bạn đồng liêu trong quân lực VNCH như Trần Văn Đôn, Lê Văn Kim và Mai Hữu Xuân. Không được trọng dụng từ 1966 (anh đã bị giam cầm một thời, do quyết định Tổng thống vì đã dám chỉ trích Tướng Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ) nhưng luôn được lòng dân cho nên được cử tri bầu vào Thượng Nghị Viện, và từ nay anh thuộc phe đối lập chính quyền. Tướng Đính hiện làm Chủ tịch Hội Nhà Báo miền Nam VN. Anh rất hãnh diện đưa tôi xem bản thảo Tuyên ngôn bằng tiếng Pháp mà anh sẽ đọc ngày mai (26 tây) trong cuộc biểu tình do Hội Nhà Báo tổ chức trước Quốc hội nhân dịp vụ kiện tụng của Tướng Thiệu muốn triệu hoán trước Tòa Án ba tờ báo đã đăng tải Cáo trạng số 1 tố cáo sự tham nhũng do ngay cả Tổng thống đương chức và gia đình.

Lúc đầu gặp lại tôi, anh Đính chỉ nói bằng tiếng Pháp, vì tưởng tôi đi xa nhà quá lâu nên đã quên tiếng mẹ đẻ ; anh cũng muốn chứng minh trong dịp này lúc nào cũng cảm tình và hâm mộ nếp sống Âu Tây và nhất là nước Pháp. Sự anh bị Tướng Thiệu loại trừ không được trọng dụng trong chính quyền là do một lý do ưu tiên : anh thiên Pháp hơn là thiên Mỹ. Tôi có cảm tưởng về mặt chính trị Tướng Tôn Thất Đính gần Tướng Dương Văn Minh hơn Tổng thống đương thời là Nguyễn Văn Thiệu. Làm sao tranh đấu chống Cộng được trong lúc tham nhũng lan tràn trên mọi tầng lớp, ở trong Chính phủ và bộ máy hành chính ? Tướng Đính nói to lên một cách phấn uất rồi tiếp tục : Chắc em cũng biết, một chính phủ đàn áp báo chí là một chính phủ khinh thường tự do, công cộng hay cá nhân. Tranh đấu cho tự do báo chí là tranh đấu cho Tự Do, tất cả các tự do ! Như thế, chúng ta sửa soạn xây đắp Hòa Bình, và sẽ có một vị thế mãnh lực trong việc thương lượng với Chính phủ Cách mạng Tạm thời (GRP) đang áp dụng Thỏa Hiệp ký kết tại Paris tháng 01-1973... Tướng Đính đề nghị mời tôi đi thăm Đà Lạt bằng trực thăng, nhưng tôi lo sợ nguy hiểm vì tình hình quân sự nên xin từ chối. Như vậy tôi là một trong những đồng bào VN hiếm có không bao giờ biết Đà Lạt (theo Petit Robert : một thành phố thuộc rừng núi với 1600 thước độ cao, một nơi nghỉ ngơi khí hậu ôn hòa..), mà chỉ ngày đêm sống trong mộng tưởng thôi :

*Ngôi mơ Đà Lạt
Có núi rừng thông
Có nàng áo trắng
Ở Huế mới lên
Còn đâu những ngày
Chiều xưa năm ấy
Bên bờ sông Hương
Em cùng tôi ước thể nguyên...*

(Mơ Đà Lạt: Nhạc và Lời của Lê Mộng Nguyên).

VI. Năm ngày sau khi đặt chân trên kinh đô VNCH (miền Nam), tôi quyết định lấy máy bay ngày 18-12-1974 ra Huế thăm mẹ và làng Phú Xuân (Chợ Cống là chỗ chôn nhau cắt rốn) mà tôi đã phải buộc lòng từ giã cuối năm 1950:

*Em có về làng Phú Xuân xơ xác
Cạnh Huế thành sau bão lụt vừa qua
Em về thăm cánh đồng thu man mác
Lá chừa vàng, cây cối vẫn như xưa?...*

(Thơ Lê Mộng Nguyên)

.....
Thật ra, máy bay chỉ đi được từ Sài Gòn (7 g 30) đến Đà Nẵng mà thôi (9 g 15)! Lý do? Từ một tuần, phi trường Phú Bài (Huế) bị tàn phá vì bom đạn cộng sản. Người ta đồn rằng địch quân đã nhiều lần thử bắn phi cơ chuyên chở dân thường từ Sài Gòn ra Huế để gây khủng bố. Thành thử chúng tôi (anh Lê Mộng Đào đi cùng với tôi ra Huế để mời Mẹ về SG ngụ tại nhà anh cho đến ngày 07-01-1975 tôi lên đường về Paris) phải lấy xe hơi đi từ Đà Nẵng ra Huế (chùng 120 cây số). Trở lại chuyến bay do Hãng Air-Vietnam (sau vụ khủng bố với 70 hành khách thường dân thiệt mạng) : Ngày hôm ấy, từ trời cao 2000 thước, tôi thưởng thức phong cảnh nước VN vẫn còn xanh tươi mặc dầu thương tích chiến tranh. Những khu rừng núi thuộc miền nhiệt đới thật quá đẹp dưới ánh mặt trời, những con sông uốn chảy dịu dàng và biển cả xanh biếc từ Nam đến Trung là cả một tán dương ca vạn vật muôn màu, cứ tiếp nối diễn hành như trong một giấc mơ êm ái, dưới đôi mắt ngạc nhiên của du khách đầy kính mộ... Tôi không thấy một dấu vết nào của thảm kịch chiến tranh (thật lạ lùng !), không thoáng nghe một một tiếng bom nào xé toát màn yên lặng, đặng phá hoại sự an bình của nước VN tuyệt diệu ngắm nhìn từ trời cao. Lúc chúng tôi bắt đầu lên máy bay vào 7 g 30 ở Tân Sơn Nhất, Sài Gòn vẫn còn nóng, bây giờ máy bay gần đến Đà Nẵng, nhìn qua hublot thấy trời đổi xám, mây kéo dằng dặc với mưa bắt đầu và tiếp tục càng ngày càng to, không còn xem quang cảnh gì được cả. Phi cơ hạ xuống phi trường Đà Nẵng vào khoảng 9 g 15 nghĩa là sau khi bay gần 2 giờ (900 cây số), trong lúc trời mưa ào ào đổ mạnh. Từ chiếc xe car của Air-Vietnam đưa khách đến một trạm taxi, tôi buồn bã nhìn qua song cửa thành phố Tourane ngày xưa đắm chìm dưới trận mưa, thành phố màu gạch hồng (như Toulouse bên Pháp), trở thành đen xám, nhưng vẫn tiếp tục rộn rịp chợ búa bầy đủ thứ hàng, dọc theo những con đường dài, trên vỉa hè hoặc những công trường... làm xe car chạy rất khó khăn vì người đi qua lại không thận trọng, chú ý bên mặt bên phải gì cả.

Chúng tôi phải đợi gần 2 giờ đồng hồ mới tìm thuê được 2 chỗ ngồi trong một xe taxi nhận đưa chúng tôi từ Đà Nẵng tới Huế, dưới trời mưa và trong sương mù. Nhìn chiếc xe hơi traction-avant Citroen thật là cũ kỹ ít nhất 30 năm mà vẫn còn động tác, tôi rùng mình lo ngại cho thân phận mình phải giao hết cho người lái xe... Xe gồm có 2 chỗ đằng trước cạnh người lái, và đằng sau được tổ chức thành một căn nhà có thể chứa đựng thêm 8 khách hàng. Chúng tôi phải thuê 4 chỗ, 2 chỗ ngồi và 2 chỗ cho hành lý, cả thảy tốn đến 2400 đồng (600 mỗi chỗ). Sau khi xe vượt qua một miền đất bằng, hai bên đường toàn có Tiệm ăn, nhiều trại tị nạn chiến tranh, những Nhà Truyền Giáo hội, Công giáo và Tin lành, những Nhà Chùa Phật giáo, những Chợ (một lần nữa) bán đồ ăn, rau, gia súc vân vân... chúng tôi bắt đầu cuộc trò lên Đèo Hải Vân. Xe taxi ngừng lại ít nhất hai lần, lần đầu để sửa máy, lần thứ hai để lấy nước đọng trong một ao giả tạo bên đường cho máy phát động của xe sắp tàn lực... Trời tiếp tục mưa không phút ngừng, xe càng lên cao, sương mù càng đặc và con đường quanh queo trước mặt đã biến mất trong đêm. Mặc dầu tình trạng này, người lái xe taxi vẫn tiếp tục lái xe, không nao núng ... Giỏi thật ! Tôi cảm tưởng anh ta biết tường tận lộ trình, có thể lái xe quanh núi, nhắm mắt... Chúng tôi cũng nhắm mắt nhưng để nguyện cầu Trời Phật Tổ tiên giúp đỡ qua khỏi tai nạn... Trong những giây phút ấy chỉ có những lời kinh cầu nguyện mới có thể làm cho êm dịu nỗi hãi hùng, lo âu. Vì chỉ cần người lái xe một phút giây lơ đãng hay vụng về là xe sẽ bị rơi xuống biển từ núi cao. Đôi khi, chúng tôi cảm giác xe xóc vì đường gập ghềnh, có lẽ vì những tia bắn roquette của VC ? Dầu sao, chúng tôi cũng không thấy gì cả ngoài sương mù dày đặc. Đó là một cảm giác vừa khó chịu vừa khoan khoái, một sự bay bổng về mặt tâm lý và tâm trung bắt đầu chiếm đóng thân thể, linh hồn chúng tôi... Có ai biết tôi đã đi bằng qua Đại Tây Dương (13 000 cây số) từ Pháp quốc đến nơi

đây để (có lẽ)... vĩnh viễn từ già cuộc đời này ?...

*Ta gửi thư này về tới Huế
Quê hương xa cách tận cuối trời
Trùng dương thăm thăm không hò hẹn...
Biết đến bao giờ thư tới nơi ?
Nơi đây, tựa cửa, cứ chiều chiều,
Mẹ già mong đợi bóng con yêu
Đêm đêm thổn thức đời hiu quạnh
Giòng lệ kinh thành vắng bóng trai... (Thơ LMN)*

Xe taxi đưa chúng tôi đến tận nhà Mẹ hiện chung sống dưới mái gia đình anh Lê Đình Sum ở số 59 đường Mai Thúc Loan (Huế), cạnh phòng khám bệnh của BS Thân Trọng Phước hồi xưa. Trời đã tối từ lâu, mưa vẫn rơi và tiếp tục rơi dầm dề suốt ba ngày 18, 19 và 20 tháng 12-1974 mà tôi có mặt tại cố đô Nhà Nguyễn. Mẹ tôi nay gần 80, nhưng vẫn còn khỏe mạnh, nhận tôi được ra ngay và chúng tôi ôm nhau lệ tuôn rào:

*Từ lúc chia tay, mẹ ơi !
Lòng con không sao nguôi sầu nhớ
Trông cánh chim về cố hương
Là nơi bao chiều mẹ đợi con...*

(Lá Thư Cho Mẹ : Nhạc và Lời Lê Mộng Nguyên)

Tất cả gia đình anh Thừa Sum và chị Tố Vân, các con cháu, chắc phần đông đều có mặt, và ngay cả anh trưởng Lê Mộng Tùng và các anh em chú bác như Ái và Thùy là những người đã chung sống những ngày thơ ấu tươi trẻ với gia đình Ba Mẹ tôi ở Chợ Cống (Phú Xuân). Tôi cũng rất cảm động khi gặp lại hai vợ chồng Sắt và Thương là những người giúp nấu ăn và mọi việc ngày xưa, nay cũng đến chào hỏi, mắt rung rung... Tối hôm ấy tôi ngủ tại nhà anh chị Sum. Chiều hôm sau (19 th. 12) tôi được mời dự tiệc đãi với tất cả đại gia đình và nhiều quan khách trong làng để vinh quy một người con, em, chú, cậu và bạn yêu dấu của đại gia đình đã thành danh, từ Pháp trở về thăm nhà sau 24 năm xa cách. Nhà anh chị Tùng ở Chợ Cống (Phú Xuân) là nhà phụng thờ tổ tiên, anh Lê Mộng Tùng, trưởng nam của Ba Mẹ, nay phải lo phần hương hỏa (Ba tôi mất năm 1952). Tôi sinh sống nơi đây từ ngày thơ ấu và làng Phú Xuân (với sông Bình Lục) đã để lại cho đời tôi bao nhiêu kỷ niệm không bao giờ phai nhạt :

*Quê tôi, chiều nắng mong manh,
Có đồng lúa xanh mơ theo dòng nước
Hàng cây me ngày thơ ấu tôi leo cành lá
Mơ chim đàn chấp cánh bay
Quê tôi là Huế muôn đời
Kinh thành tiếc đuối qua dòng sông biếc
Sau gót Phù Tang, non nước ngùi ngậm
Lời thề chưa trả giang sơn điêu tàn...*

(Quê Tôi : Nhạc và Lời LMN)

Trở lại mái nhà xưa, có vườn tược chuối bông, cây me vẫn còn đó nhưng sao thấy quá điêu tàn. Trong tâm mắt một đứa trẻ con 9 tuổi, tôi có cảm tưởng là sân trước nhà (tôi thường tập đá bóng tròn một mình mỗi sáng sớm) rất lớn và gần góc phía đông ruộng có một đồng rơm rất cao như hòn đá ở Vườn Bách Thú Vincennes (Paris)... Nhưng nay đồng rơm không còn nữa, vườn sau trở thành quá nhỏ bé, cây me xơ xác dưới trời mưa, ngay nhà cửa cũng không còn cao ráo và vững chắc như trong quá khứ êm dịu của thời thơ ấu xa xăm :

*Em có về làng anh qua Chợ Cống
Cứ hằng năm bão lụt nước đầy đường
Cầu đã gãy và tình xưa đã vỡ
Hai đứa mình cách biệt chốn tha phương (Thơ LMN)*

Trong ba ngày tại Huế vì trời mưa dầm dề, tôi không đi thăm viếng lăng miếu hay tàn phá dấu tích lịch sử trong thành nội sau Tết Mậu Thân 1968, chỉ có nhờ bà con đưa xe hơi đi dạo quanh cựu kinh thành để chụp vài phong cảnh cổ đô trong mờ ảo : chùa Thiên Mụ, cầu Tràng Tiền, nhà thờ Phú Cam, sông Hương, sông Bình Lục, chợ Đông Ba, Đập Đá, Thôn Vỹ Dạ... vân vân. Tôi cũng có đến thăm bác Đàm (anh trưởng của Ba tôi) ở Kim Long, Ái - Thùy mời đến nhà ăn trưa ngày 20/12 và ngày thứ bảy 21/12 phải lo lắng hành lý trở lại Sài Gòn, ngủ lại một đêm tại Đà Nẵng (ở Hôtel Thanh Thanh) dưới trời mưa và trong lạnh buốt hã hùng trước khi lấy máy bay đưa chúng tôi (tôi cùng Mạ và anh Đào) ngày chủ nhật hôm sau (22/12) lúc 10 g 30 sáng về thẳng tới Sài Gòn lúc 12 g 30. Tôi rất sung sướng đã tìm lại khí hậu ẩm cúng của kinh thành nước VNCH ! Trong Agenda nhỏ của tôi hồi ấy có ghi ngày 24/12 : Réveillon Giáng Sinh tại nhà Muội Chị; 25/12 : RV với Tướng Đính (x. trên); 27/12 : RV với GS Vũ Quốc Thông tại Đại học Luật khoa (x. Nghệ Thuật số 109); 28/12 : Thăm Chợ Lớn buổi sáng và ăn trưa, Chiều tối lên thăm Mạ ở nhà anh chị Đào và tiệc tùng một lần nữa với sự có mặt của gia đình anh Lê Mộng Hoàng và nhiều quan khách (tôi rất tiếc không đi Nha Trang thăm anh Lê Văn Hy làm Chánh Án Tòa Sơ Thẩm ở thành phố biển đẹp này) ; Sài Gòn nóng đến 40 độ (nhưng trong phòng Hôtel 27 độ nhờ có Air Conditionné); 29/12 : Nhạc sĩ Phạm Mạnh Cương (Giám đốc nghệ thuật nhà sản xuất và phát hành băng nhạc Tú Quỳnh) và phu nhân Lê Thị Như Hảo (Giám đốc thương mại) mời đến nhà ăn tối, và tặng tôi tập nhạc *Thung lũng Hồng Của Chúng Ta* ; 31/12 : RV Cha Luận (x. NT số 109); 01/ 01/1975 : RV Anh Chị Bùi Xuân Bào; 02/01 : Đi chơi Vũng Tàu, ngủ lại một đêm, trở lại Sài Gòn vào khoảng 16 giờ ngày 03/01, ăn tối tại nhà anh Đào; 05/01 : Gọi ĐT cho Cương-Hảo xin lỗi không lên Đài Phát thanh VN lúc 12 g như lời hứa hẹn để tham dự chương trình nhạc và PV do PMC thực hiện. Ngày 07 tháng 01 năm 1975 vào lúc 2 g 30 (giờ Sài Gòn), tôi lấy máy bay tại Tân Sơn Nhất trở lại Paris-Charles de Gaulle vào khoảng 12 giờ (giờ Paris), mẹ tôi, anh Đào và một số bạn bè mặc dầu giờ giới nghiêm (nhờ xe quân sự của Tướng Đính chở đi) đã có thể đưa tôi đến tận phi trường. Đó là lần cuối cùng tôi thấy mặt người mẹ già yêu dấu, vì từ ngày nước mất nhà tan (30-04-1975) tôi nguyện thể không bao giờ trở lại cố hương ngày nào dân chủ tự do chưa được hồi phục trên đất lành Việt Nam. Thân mẫu tôi qua đời ngày 14 tháng 02 năm 1981, hưởng thọ 87 tuổi.

Lê Mộng Nguyên (Paris)